

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1102 /QĐ-UBND

Bình Thuận, ngày 29 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án
Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác
động môi trường Dự án Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận
tại cuộc họp vào ngày 15 tháng 12 năm 2021 tại Sở Tài nguyên và Môi trường;*

*Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trung
tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận đã được chỉnh sửa, bổ sung
gửi kèm Văn bản số 521/SYT-KHTC ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Sở Y tế;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình
số 102/TTr-STNMT ngày 29 tháng 3 năm 2022, Công văn số 1692/STNMT-
CCBVM ngày 26 tháng 4 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận (sau đây gọi là Dự án) của Sở Y tế (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1245/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Mở rộng quy mô hoạt động của Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc từ 100 giường lên 150 giường tại thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh Nguyễn Minh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Y tế;
- UBND huyện Hàm Thuận Bắc;
- UBND thị trấn Ma Lâm;
- Lưu: VT, TTTT, KT. Vương.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Minh
Nguyễn Minh

PHỤ LỤC

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số: 1102 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận).

1. Thông tin về dự án:

- Tên dự án: Trung tâm Y tế huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.
- Địa điểm thực hiện dự án: Thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận
- Chủ dự án: Sở Y tế.
- Người đại diện: Ông Nguyễn Quốc Việt; Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ liên hệ: 59 Lê Hồng Phong, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
- Điện thoại: 0252.3823671.
- Mục tiêu dự án: Nhằm đáp ứng cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động để phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, điều trị bệnh, chăm lo sức khỏe cho nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc.
- Phạm vi, quy mô, công suất: Dự án có tổng diện tích đất sử dụng: khoảng 21.377 m²; quy mô giường bệnh: 181 giường.
- Công nghệ sản xuất: Dự án là đơn vị sự nghiệp y tế công lập trực thuộc Sở Y tế, có chức năng cung cấp dịch vụ chuyên môn, kỹ thuật về y tế dự phòng, khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.
- Công trình chính của dự án: Bên cạnh các công trình hiện hữu, dự án tiến hành xây mới khoa truyền nhiễm có diện tích khoảng 418 m² và Nhà làm việc của Khối Y tế dự phòng có diện tích khoảng 593 m², bổ sung thêm 31 giường bệnh. Sau khi mở rộng, Dự án hoạt động với 7 phòng chức năng (Ban giám đốc; Phòng Kế hoạch tổng hợp; Hành chính quản trị; Phòng kế toán; Phòng chỉ đạo tuyến, Phòng thông tin tuyên truyền; Phòng Điều dưỡng) và 11 khoa (Khoa khám bệnh; Khoa xét nghiệm; Khoa X-quang; Khoa cấp cứu; Khoa điều trị nội trú: khoa nội, khoa nhi, khoa ngoại, khoa sản, khoa truyền nhiễm, khoa y học cổ truyền; Khoa mổ; Khoa dược; Khoa dinh dưỡng; Khoa chống nhiễm khuẩn; Khoa giải phẫu bệnh lý; Khối y tế dự phòng); 181 giường bệnh.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

Các tác động môi trường chính của dự án bao gồm chất thải rắn, nước thải, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung từ quá trình san gạt mặt bằng, vận chuyển nguyên vật liệu, thi công xây dựng và vận hành dự án.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Lưu lượng nước thải sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng khoảng 2,25 m³/ngày; chứa các thành phần rắn lơ lửng, dầu mỡ, chất hữu cơ và vi sinh vật gây bệnh. Nước thải phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu từ hoạt động vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng với lưu lượng khoảng 0,5 m³/ngày, thành phần chủ yếu là cát, xi măng, bụi bần.

- Lưu lượng nước thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động khoảng 93,64 m³/ngày, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ dễ bị phân hủy, hóa chất và vi sinh vật gây bệnh.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng chủ yếu từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, từ hoạt động đào đắp, thi công xây dựng,... Thành phần ô nhiễm chủ yếu là: Bụi tổng, SO₂, NO_x, CO, THC...

- Trong giai đoạn hoạt động, bụi, khí thải, mùi hôi chủ yếu phát sinh từ các nguồn: Từ hệ thống xử lý chất thải, khu vực lưu trữ, tập kết và xử lý chất thải rắn, hoạt động nấu nướng tại căn tin... chứa các thành phần chủ yếu là NH₃, H₂S, CH₄; từ hoạt động khám chữa bệnh, giặt tẩy, phẫu thuật chứa các thành phần chủ yếu là Chlorine, Alcohol, Etylen, Ether, Xeton,...; từ máy phát điện dự phòng, lò đốt rác y tế chứa các thành phần chủ yếu là bụi, SO₂, NO_x, CO, HCl,...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng chủ yếu bao gồm: Lượng sinh khối phát quang khoảng 3,6 tấn; khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 15 kg/ngày, chủ yếu là các loại bao bì túi nilong, vỏ cơm hộp, thức ăn thừa; khối lượng chất thải rắn xây dựng khoảng 28-33,8 kg/ngày, bao gồm các loại như: Sắt thép vụn, gạch vỡ, đá vụn thải, bao bì vật liệu xây dựng.

- Trong giai đoạn hoạt động, khối lượng chất thải y tế thông thường phát sinh khoảng 57,39 kg/ngày, phát sinh từ các hoạt động y tế chuyên môn như chai lọ thủy tinh, bao bì không dính hóa chất, giấy báo, bao bì, thùng carton, vỏ hộp thuốc, các vật liệu kim loại không dính thành phần nguy hại.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn xây dựng khoảng 20 kg/tháng, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, dầu nhớt thải, các thùng sơn, cây lăn sơn,... Trong giai đoạn hoạt động, khối lượng chất thải y tế nguy hại phát sinh tại Dự án khoảng 17,38 kg/ngày, bao gồm chất thải y tế nguy hại lây

nhiễm khoảng 7,9 kg/ngày, chất thải y tế nguy hại không lây nhiễm khoảng 3,5 kg/ngày, chất thải nguy hại khác khoảng 5,98 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:

3.1. Về thu gom, xử lý nước thải:

- Trong giai đoạn xây dựng:

+ Nước thải sinh hoạt: Lắp đặt nhà vệ sinh di động tại công trình, khi đầy sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Nước thải xây dựng: Lưu chứa trong các thùng có dung tích 200 lít và tái sử dụng vào công đoạn trộn vữa xi măng.

- Giai đoạn hoạt động: Nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung hiện hữu có công suất 100 m³/ngày đêm để xử lý theo quy trình: Nước thải → Hồ thu → Bể điều hòa → Bể thiếu khí – Anoxic → Bể hiếu khí – Aerotank → Bể lắng → Bể lọc → Bể trung gian kết hợp khử trùng. Nước thải sau xử lý đạt Cột B, K = 1,2 QCVN 28:2010/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, được thoát ra sông Trao.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Thực hiện biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng như sau:

+ Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt kín thùng xe trong quá trình vận chuyển; không tập trung vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào cùng một thời điểm và trong thời gian cao điểm; phương tiện vận chuyển khi đi ra khỏi công trường được vệ sinh sạch sẽ; khu vực công trình phụ trợ, bãi tập kết, kho chứa vật liệu xây dựng được che chắn tránh làm phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

+ Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi trong quá trình phát quang, thi công xây dựng, tăng tần suất tưới nước trong trường hợp thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng, gió to.

+ Trang bị các thiết bị, dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trình theo quy định.

+ Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông, an ninh trật tự, công trình xung quanh, hoạt động khám và điều trị bệnh như: Thành lập đội bảo vệ công trường điều phối các phương tiện tránh tình trạng ùn tắc ảnh hưởng đến giao thông và hoạt động của các công trình xung quanh; xung quanh công trường, khu tập kết vật liệu được che chắn tạm thời bằng tôn, panel, để hạn chế phát tán bụi đến các khu vực khám, điều trị bệnh.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi trong giai đoạn hoạt động như sau:

+ Tiếp tục sử dụng hệ thống xử lý khí thải lò đốt rác y tế, công suất đốt là 20 kg/m³, tần suất đốt là 2 ngày/lần với quy trình xử lý cụ thể như sau: Khí thải từ lò đốt rác → Ống dẫn khí → Tháp xử lý → Quạt hút → Ống khói (khí thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 02:2012/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế).

+ Thực hiện các biện pháp quản lý nhằm giảm thiểu bụi, khí thải, mùi hôi trong quá trình hoạt động như: Bê tông hóa đường giao thông nội bộ; máy phát điện được bố trí tại nơi cách xa khu khám, chữa bệnh và đặt trong phòng máy phát riêng; trang bị hệ thống quạt thông gió làm giảm nhanh nồng độ các chất sát trùng; tăng cường công tác vệ sinh; thực hiện công tác chống nhiễm khuẩn đúng quy định kỹ thuật; tổ chức thu gom chất thải rắn thường xuyên không để tồn đọng; thực hiện các trách nhiệm theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế trong việc bảo đảm an toàn bức xạ; trang bị đầy đủ các dụng cụ trang thiết bị y tế cho nhân viên làm việc.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Trong giai đoạn xây dựng, các biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn chủ yếu như sau:

+ Đối với chất thải từ quá trình phát quang, chất thải từ quá trình thi công xây dựng: Thu gom, tập kết và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Được thu gom vào các thùng chứa có dung tích 120 lít; sau đó tập trung về khu vực chứa chất thải thông thường của bệnh viện, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- Trong giai đoạn hoạt động: Thực hiện việc phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải y tế thông thường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.4. Các công trình biện pháp thu gom, xử lý, quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

- Trong giai đoạn xây dựng: CTNH được thu gom, phân loại, lưu chứa vào các thùng chứa đặt tại công trường; cuối mỗi ngày, thu gom về kho chứa

chất thải y tế nguy hại (không lây nhiễm) của bệnh viện và hợp đồng thu gom, xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động: Thực hiện việc phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Trong đó:

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Phân loại, thu gom về kho chứa chất thải tạm thời và đưa vào lò đốt rác y tế hiện hữu (công suất 20 kg/m³) để xử lý; tần suất đốt là 2 ngày/lần.

+ Chất thải không lây nhiễm như hóa chất, dược phẩm thải bỏ, hết hạn: Được phân loại, thu gom, vận chuyển đến kho lưu trữ chất thải và chuyển trả lại cho nhà sản xuất để xử lý đúng quy định.

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn và CTNH khác (như nước thải từ quá trình tráng rửa phim, bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dầu nhớt, hộp mực in thải,...): Được thu gom, phân loại, khử trùng tại các phòng, ban (đối với chất thải lây nhiễm sắc nhọn), sau đó vận chuyển đến kho lưu trữ chất thải và hợp đồng thu gom, xử lý theo quy định.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung:

- Tổ chức thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn thi công như: Có kế hoạch thi công hợp lý, xe vận chuyển vật tư, thiết bị thi công hoạt động vào thời gian thích hợp và có khoảng cách hợp lý, không hoạt động vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của bệnh nhân; áp dụng các phương pháp thi công tiên tiến nhằm hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

- Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn hoạt động: Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật nhằm giảm thiểu tiếng ồn, rung từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, từ hoạt động của máy phát điện dự phòng và hệ thống xử lý nước thải theo quy định; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án nhằm giảm thiểu tiếng ồn ảnh hưởng tới khu vực xung quanh.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Tuân thủ các biện pháp quản lý, phòng ngừa và ứng phó rủi ro, sự cố tai nạn lao động, cháy nổ, sụt lún công trình theo quy định; phối hợp với chính quyền địa phương giải quyết nhanh

chóng, khắc phục sự cố và đền bù thỏa đáng nếu xảy ra bất cứ sự cố làm ảnh hưởng tới môi trường, tài sản, tính mạng con người.

- Trong giai đoạn hoạt động: Thực hiện đúng các biện pháp phòng, chống cháy nổ; sự cố tràn đổ, rò rỉ nhiên liệu và hóa chất; an toàn vệ sinh lao động; an toàn bức xạ và phòng chống nhiễm khuẩn trong y tế theo quy định.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:

Dự án có các công trình bảo vệ môi trường chính như sau:

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung 100 m³/ngày đêm.
- Lò đốt rác y tế công suất 20 kg/mẻ.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

5.1. Giai đoạn xây dựng:

a) Giám sát môi trường không khí:

- Thông số giám sát: Bụi, tiếng ồn, SO_x, NO_x, CO.
- Vị trí giám sát:
 - + 1 điểm tại khu vực xây dựng Khoa truyền nhiễm.
 - + 1 điểm tại khu vực xây dựng Nhà làm việc của khối y tế dự phòng.
- Tần suất thu mẫu và phân tích: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc, QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

b) Giám sát nước thải:

- Quản lý, theo dõi, tình hình thu gom nước thải sinh hoạt và nước thải xây dựng.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

c) Giám sát chất thải rắn:

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn phát sinh từ dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

5.2. Giai đoạn vận hành thương mại:

a) Giám sát nước thải:

- Thông số giám sát: Lưu lượng, pH, BOD₅, COD, TSS, Nitrat, Amoni, Phosphat, Sunfua, Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms, Salmonella,

Shigella, Vibrio cholerae, Tổng hoạt độ phóng xạ α , β .

- Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 28:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế, cột B, K=1,2.

b) Giám sát khí thải:

- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi, SO₂, NO_x, CO, HCl, Hg, Cd, Pb, tổng Dioxin/Furan.

- Vị trí giám sát: Tại vị trí đầu ra của hệ thống xử lý khí thải lò đốt.

- Tần suất giám sát: 01 năm/lần đối với chỉ tiêu tổng Dioxin/Furan, 06 tháng/lần đối với chỉ tiêu Hg, Cd, Pb, 03 tháng/lần đối với các chỉ tiêu còn lại.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2012/BTNMT (cột B) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải lò đốt chất thải rắn y tế.

c) Giám sát chất thải rắn:

- Chủ dự án có trách nhiệm quản lý, theo dõi, thống kê số lượng, chủng loại và thành phần chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại của dự án theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Nhật ký quản lý chất thải rắn của dự án sẽ được lưu giữ định kỳ và báo cáo với cơ quan quản lý môi trường của địa phương.

5.3. Thực hiện quản lý, báo cáo định kỳ

Chủ dự án có trách nhiệm lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường./.